

Bản án số: 85/2022/DS-PT

Ngày: 16 - 5 - 2022

V/v tranh chấp đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Châu.

Các Thẩm phán: Ông Trần Minh Hải;

Bà Ngô Ngọc Phi.

- Thư ký phiên tòa: Bà La Hồng Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Phạm Trường San
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 5 năm 2022 tại Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2022/TLPT- DS ngày 10 tháng 02 năm 2022 về việc “Tranh chấp đòi tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 227/2021/DS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 12/2022/QĐ-PT ngày 10 tháng 02 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 55/2022/QĐ-PT ngày 10 tháng 3 năm 2022; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 28/2022/QĐ-PT ngày 07 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 111/2022/QĐ-PT ngày 18 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Thái Tổ T(Tện), sinh năm 1979; nơi cư trú: ấp B, xã H, huyện P, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Văn L, sinh năm 1967; nơi cư trú: ấp B, xã B, huyện C, An Giang – là người đại diện theo uỷ quyền (Hợp đồng uỷ quyền ngày 03/10/2020). (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1962; (Có mặt)

Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964. (Vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị L: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1962; nơi cư trú: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang – là người đại diện theo uỷ quyền (Giấy uỷ quyền ngày 28/3/2021 được chứng nhận tại Văn phòng Công chứng N). (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn bà Nguyễn Thị L: Bà Nguyễn Minh L, luật sư văn phòng luật sư M, thuộc đoàn luật sư tỉnh An Giang; Địa chỉ: khóm B, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Thanh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo hồ sơ án sơ thẩm thể hiện:

Nguyên đơn ông Thái Tổ T trình bày:

Năm 2013, ông T, bà L có mua thức ăn chăn nuôi thủy sản của ông T, đã thanh toán một phần, còn nợ lại 1.666.190.000 đồng. Qua nhiều lần hứa hẹn sẽ trả cho ông T nhưng không thực hiện. Ngày 26/6/2013, ông T, bà L có làm biên nhận nợ cho ông T, từ ngày 26/6/2013 cho đến nay mỗi năm ông T đều gặp ông T, bà L nhắc nhở nhiều lần và đề nghị trả nợ cho ông.

Tại Đơn khởi kiện ngày 14/9/2020 ông T yêu cầu ông T, bà L trả toàn bộ số tiền nợ là 1.666.190.000 đồng và trả tiền lãi từ ngày biên nhận nợ 26/6/2013 cho đến ngày Tòa án xét xử. Quá trình giải quyết vụ án ông T thay đổi yêu cầu khởi kiện là tranh chấp đòi tài sản, yêu cầu ông T, bà L trả toàn bộ số tiền nợ ông là 1.666.190.000 đồng (Một tỷ sáu trăm sáu mươi sáu triệu một trăm chín mươi nghìn đồng), không yêu cầu tiền lãi.

Tại bản tự khai ngày 02/12/2020 bị đơn bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Thanh T trình bày:

Ông bà mua thức ăn thủy sản với ông T nhiều năm liên tục, đến đầu năm 2013 thì ngưng nuôi cá do tình hình nuôi cá lúc đó ai cũng bị thua lỗ. Ông Thái Tổ Tkêu ông bà ký biên nhận nợ và nói sau khi cân cá xong do ông T trực tiếp thu mua sẽ khấu trừ lại. Sau khi cân cá thì ông T đưa bảng kê tính tiền, nhưng không rõ ràng, cụ thể các khoản và không đúng với thực tế nên ông bà yêu cầu ông T phải cung cấp hóa đơn bán hàng và sổ giao nhận hàng để đối chiếu với số tiền ông T mua cá của ông bà thì ông T né tránh không chịu đối chiếu. Lý do là số tiền bán cá đã nhiều hơn tiền vốn mua thức ăn, chỉ còn tiền lãi chồng vốn, nên ông T bỏ ngang. Sau hơn 07 năm, ông bà nhận được thông báo thụ lý của Tòa án là ông T kiện đòi nợ. Ông bà không chấp nhận yêu cầu của ông T và yêu cầu Tòa án xem xét áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với Hợp đồng mua bán theo luật định.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà có họ hàng bà con với ông Thái Tô T. Quá trình nuôi cá, vợ chồng bà có mua thức ăn của ông T (tên thường gọi là Tện), bán theo phương thức giao hàng ghi sổ ký nhận, khi kết sổ sẽ tổng kết hóa đơn. Năm 2013, Ông T có kêu vợ chồng bà ký biên nhận nợ 1.666.190.000 đồng để đối chiếu với công ty Việt Thắng còn nợ hai bên sẽ đối chiếu sổ sách sau. Nhiều lần bà có kêu ông T đối chiếu để xử lý dứt điểm công nợ nhưng không đối chiếu. Từ khi ký biên nhận nợ tới nay, ông T không thừa kiện gì, cũng không thỏa thuận gì. Việc nguyên đơn nói hàng năm có tới đòi nợ là không đúng. Nay ông T tranh chấp Hợp đồng mua bán thì yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với Hợp đồng mua bán theo luật định.

Số tiền 1.666.190.000 đồng theo biên nhận nợ ngày 26/6/2013 là số tiền ông T kêu bà ký để ông T đối chiếu với tiền mua thức ăn với công ty Việt Thắng nhưng số tiền này hai bên chưa tính lại. Bảng chiết tính do nguyên đơn cung cấp có chữ ký là của bà nhưng bà chỉ ký phần mua bán cá, không ký bên việc mua bán thức ăn. Tổng số tiền cá chưa có bảng mã cân, bảng chiết tính đã tính trùng từ ngày 21/9/2012 đến ngày 02/10/2012, tổng số tiền tính trùng là 390.950.000 đồng. Yêu cầu nguyên đơn đối chiếu lại sổ sách mua bán thức ăn và tiền mua bán cá.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 227/2021/DS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 155, 166, 275, 280, 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thái Tô T.

Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Thanh T phải trả cho ông Thái Tô T số tiền 1.666.190.000 đồng (Một tỷ sáu trăm sáu mươi sáu triệu một trăm chín mươi nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ do chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự, án phí dân sự sơ thẩm; quyền kháng cáo; quyền thi hành án và thời hiệu thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 08/12/2021, bị đơn bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Thanh T kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu xem xét phúc xử: Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và miễn án phí cho ông bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Thái Tô T do ông Trần Văn L đại diện theo ủy quyền vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn ông Nguyễn

Thanh T và bà Nguyễn Thị L do ông T làm đại diện ủy quyền vẫn giữ yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ông Trần Văn L đại diện ủy quyền nguyên đơn ông T có ý kiến: Ông không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Yêu cầu cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông Nguyễn Thanh T đồng thời đại diện ủy quyền cho bà Nguyễn Thị L có ý kiến: Ông thừa nhận khi giao dịch mua bán thức ăn của ông T, vợ chồng ông có nợ lại tiền nhưng số tiền ít hơn biên nhận nợ và biên nhận nợ ông bà ký tên là do tin tưởng ký để giúp ông T đối chiếu nợ với công ty Việt Thắng và trong số tiền theo biên nhận nợ ông T đòi có tính lãi cộng vào vốn, nhưng ông không rõ bao nhiêu. Ông yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử sửa bản án sơ thẩm và cho vợ chồng ông miễn án phí do lớn tuổi và đang gặp khó khăn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm và đề xuất hướng giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng, kháng cáo của bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Thanh T là phù hợp pháp luật; Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật về tố tụng.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Thanh T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C; do ông T là người cao tuổi nên đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm, bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Thanh T làm đơn kháng cáo và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và xét xử theo thủ tục phúc thẩm là đúng quy định tại Điều 285 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn bà Nguyễn Thị L - luật sư Nguyễn Minh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt luật sư.

Nguyên đơn ông Thái Tổ Căn cứ biên nhận nợ ngày 26/6/2013 để khởi kiện và đã thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn

Thanh T trả lại số tiền nợ 1.666.190.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi nên cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp đòi tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và không áp dụng thời hiệu khởi kiện theo khoản 2 Điều 155 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là có căn cứ.

Tại phiên tòa, các đương sự xác định giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Thanh T, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Qua trình bày của các đương sự, xác định giữa ông Thái Tổ T với bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Thanh T có Hợp đồng mua bán thức ăn cho cá, ông T là người bán còn bà L và ông T là người mua. Việc mua bán diễn ra trong một thời gian dài, quá trình mua bán có giao hàng, thanh toán tiền mặt và thanh toán bằng việc trừ tiền ông T mua cá của bà L và ông T. Nội dung trình bày của các bên này phù hợp với bảng kê ông T cung cấp có chữ ký của bà L cho Tòa án (Bút lục 16). Các bên xác định từ ngày 10/02/2013 đến nay không còn mua bán thức ăn thủy sản với nhau. Do đó, ngày 26/6/2013, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Thanh T ký biên nhận nợ nội dung: “có mua thức ăn thủy sản hiệu con cò Việt Thắng của ông Thái Tổ T với số tiền là 1.666.190.000 đồng, nay làm thống nhất số tiền trên”. Nay bà L và ông T thừa nhận có ký tên vào biên nhận nợ ngày 26/6/2013 nhưng cho rằng mục đích ký tên để ông T đối chiếu lại với công ty Việt Thắng, không phải ký nhận nợ ông T. Quá trình giải quyết vụ án bà L trình bày có tính trùng lặp số tiền mua bán thức ăn và bảng kê số tiền bán thức ăn với mua cá trừ nợ chưa rõ ràng nhưng bà L và ông T không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Cấp sơ thẩm cũng đã thông báo cho các đương sự đối chất để làm rõ các nội dung có mâu thuẫn nhưng ông T, bà L đã vắng mặt nên không đối chất được. Ngoài ra, bà L và ông T không cung cấp được chứng cứ chứng minh từ ngày 26/6/2013 đến nay ông bà đã trả cho ông T số tiền 1.666.190.000 đồng. Như vậy, từ ngày 26/6/2013 đến ngày xét xử sơ thẩm bà L ông T chưa trả 1.666.190.000 đồng cho ông T là vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Do đó, ông T khởi kiện đòi bà L ông T trả số tiền vốn 1.666.190.000 đồng và cấp sơ thẩm buộc bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Thanh T phải trả cho ông Thái Tổ T số tiền 1.666.190.000 đồng (Một tỷ sáu trăm sáu mươi sáu triệu một trăm chín mươi nghìn đồng) là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Nay bà L ông T kháng cáo yêu cầu không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T và tại phiên tòa phúc thẩm ngày 07/4/2022 ông T có cung cấp các bảng kê số tiền giao dịch mua bán thức ăn và có tính lãi cho rằng vợ ông T viết và có tính lãi trong số tiền vốn mua thức ăn vợ chồng ông nợ. Hội đồng xét xử nhận thấy các tài liệu ông T đã nộp ngày 07/4/2022 có thể hiện tính lãi đối với số tiền mua thức ăn thủy sản chậm thanh toán với lãi suất 1,7%/tháng nhưng ông T không giải thích được có sự tính toán sai hay cộng lãi vào vốn; đồng thời phía ông T do ông L đại diện không thừa nhận các tài liệu ông T cung cấp là do vợ ông T viết và tính lãi đối với số tiền nợ thức ăn. Ngoài ra, ông T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới chứng minh vợ chồng ông đã thanh toán số nợ theo biên nhận nợ cũng như

việc vợ chồng ông đã ký nhận biên nhận nợ ngày 26/6/2013 là do ông T nhờ ký giúp để đối chiếu với Công ty Việt Thắng, chứ thật sự ông bà không nợ số tiền như biên nhận đã ghi. Do đó, không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T, bà L. Đối với ý kiến trình bày của bà L về bảng chiết tính do nguyên đơn cung cấp có chữ ký là của bà nhưng bà chỉ ký phần mua bán cá, không ký bên phần mua bán thức ăn; tổng số tiền cá chưa có bảng mã cân, bảng chiết tính đã tính trùng từ ngày 21/9/2012 đến ngày 02/10/2012, tổng số tiền tính trùng là 390.950.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T thừa nhận vợ chồng ông là bên bán cá giống cho ông T, nhưng ông cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh nên không có cơ sở để xem xét. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L, ông T về việc yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thái Tổ T như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tại phiên tòa.

Tuy nhiên, đối với yêu cầu xin miễn án phí của ông T, bà L; tính đến thời điểm xét xử phúc thẩm, ông T sinh năm 1962 thuộc người cao tuổi, bà L, sinh năm 1964 không thuộc trường hợp người cao tuổi. Do đó, căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về phần án phí: miễn án sơ thẩm cho ông T; Bà L vẫn phải chịu án phí theo quy định, bà L phải nộp số tiền 30.993.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông T, bà L phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, ông T là người cao tuổi được miễn án phí nên được hoàn trả lại số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003383 cùng ngày 08/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Thanh T về việc yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thái Tổ Trán;

- Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 227/2021/DS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang, về án phí dân sự sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thái Tổ T.

Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Thanh T phải trả cho ông Thái Tô T số tiền 1.666.190.000 đồng (Một tỷ sáu trăm sáu mươi sáu triệu một trăm chín mươi nghìn đồng).

2. Về án phí:

2.1 Án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị L phải chịu số tiền 30.993.000 đồng (ba mươi triệu, chín trăm chín mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Thanh T được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Thái Tô T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được nhận lại 30.990.000 đồng (Ba mươi triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2019/0003777 ngày 21/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang.

2.2 Án phí phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị L phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm của bà đã nộp theo biên lai thu số 0003382 ngày 08/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang.

Ông Nguyễn Thanh T được miễn án phí nên được hoàn lại số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0003383 cùng ngày 08/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THA-DS huyện C;
- Phòng KTNV& THA;
- Tòa Dân sự;
- Văn phòng;
- Đường sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Phạm Thị Minh Châu**

